

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST  
Ngày 22-09-2022

*“V/v tranh chấp HĐTD”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Hà.

*Các Hội thẩm dân nhân:* Ông Lê Bá Thành và bà Nguyễn Thị Kim Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Phú – Thẩm tra viên TAND huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Khải - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22/09/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM ngày 27 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST – KDTM ngày 16 tháng 08 năm 2022; **Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST – KDTM ngày 06 tháng 09 năm 2022**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở: Số 266- 268, K, phường 8 quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá V – Trưởng phòng giao dịch T - S Chi nhánh Bắc Ninh; Địa chỉ liên hệ: Số 122 phố P, phường Đ, thành phố S1, tỉnh Bắc Ninh (có mặt);

Bị đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1983; HKTT: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Tiến T2, sinh năm 1977, HKTT: A, L, T, Bắc Ninh (vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 14/01/2020, bà Ngô Thị Nhật và Ngân hàng TMCP S ký hợp đồng tín dụng (không áp dụng cho phương thức hạn mức) **LD 2001400010**: Ngân hàng cấp tín dụng cho bà Nhật theo phương thức từng lần với số tiền 400.000.000 đồng; Mục đích: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh mỹ phẩm. Về lãi xuất vay được thỏa thuận: Lãi suất tháng đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng là 11,5 %/năm còn kể từ tháng thứ 2 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng bằng mức lãi suất huy động tiết kiệm có kỳ hạn thông thường, kỳ hạn 12 tháng, loại hình trả lãi cuối kỳ dành cho khách hàng cá nhân của S cộng với biên độ 4,6%/năm và được S quyết định điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước và S về lãi suất cho vay từng thời kỳ. Về phương thức tính lãi, trả kỳ lãi: số tiền lãi vay mỗi kỳ là tổng số tiền lãi của các giấy nhận nợ theo hợp đồng này và được tính theo số dư nợ thực tế vào cuối ngày, số ngày thực tế mỗi kỳ nhân với lãi suất cho vay. Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày đến hạn. Ngày trả lãi là ngày 21 hàng tháng. Thời hạn cho vay là 12 tháng. Thời điểm trả hết nợ là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, ngày 16/01/2020, S đã giải ngân tổng số tiền 400.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản số 1008. 5449. 52 mang tên Trần Thu Hương tại Ngân hàng SHB Lào Cai để thanh toán tiền hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nhật đã trả được số tiền lãi 15.804.932 đồng, sau đó không thực hiện việc trả lãi, trả gốc theo thỏa thuận của hợp đồng.

Ngoài ra bà Ngô Thị Nhật và S ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng sau đây gọi là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ vào chính sách phát hành thẻ tín dụng đối với khách hàng có tài sản đảm bảo, S đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 80.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, số thẻ 356480 – 6473, số tài khoản thẻ 39966710772. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nhật đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền là 106.980.000 đồng, đã thanh toán số tiền 38.711.111 đồng, sau đó không thực hiện việc trả lãi, trả gốc theo thỏa thuận.

Tài sản đảm bảo khoản vay là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 025928 do Sở tài nguyên môi trường cấp ngày 06/7/2015 mang tên bà Ngô Thị Nhật. Tài sản đảm bảo này là căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD/1800500017, ký ngày 08/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ký ngày 15/01/2019, 15/01/2020, thỏa thuận nghĩa vụ được đảm bảo toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, phí, các khoản phải trả khác theo Hợp đồng **tín dụng** và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà bà Nhật ký với S.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, làm việc yêu cầu bà Nhật trả nợ nhưng đến nay bà Nhật không trả. Vì vậy, S đã làm đơn khởi kiện ra Tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu giải quyết: buộc bà Nhật phải trả S:

Thứ nhất, Theo hợp đồng tín dụng số **LD 2001400010** ngày 14/01/2020, số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/09/2022 là 531.398.355đ gồm:

- Nợ gốc: 400.000.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: **97.137.533 đồng**
- Lãi quá hạn: **34.260.822 đồng**

Và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 22/09/2022 đến khi trả hết nợ vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. **Không yêu cầu phải trả tiền lãi phạt: 5.647.513 đồng**

Thứ hai, Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356.480 – 6473 tính đến ngày 21/09/2022 là 163.927.667đồng, gồm:

- Nợ gốc: 88.075.163 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: **75.852.504 đồng**
- Các khoản phí, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 22/09/2022 đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Nếu bà Nhật không trả được nợ thì tiến hành xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng thửa đất số 284 tờ bản đồ số 07 thuộc địa phận thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 025928 do Sở tài nguyên môi trường cấp ngày 06/7/2015 mang tên bà Ngô Thị Nhật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ... cho bị đơn là bà Ngô Thị Nhật theo quy định của pháp luật nhưng bà Nhật không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Kết quả xác minh tại gia đình và địa phương:* Theo sổ nhân khẩu do Công an xã L quản lý thì bà Nhật đăng ký HKTT tại thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Bà Nhật là chủ hộ, ngoài ra còn có con trai là Ngô Việt Anh sinh ngày 03/2/2015 cùng đăng ký hộ khẩu thường trú. Tại thời điểm Tòa thụ lý vụ án ngày 27/01/2022, bà Nhật không có mặt tại địa phương mà chỉ có mẹ đẻ là Vương Thị Bách sống cùng cháu Việt Anh. Sau tết nguyên đán 2022, bà Nhật về đón con là cháu Việt Anh đi đến nay chưa về.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Tiến Tùng trình bày:*

Ông Tùng là anh trai của bà Nhật. Năm 2015, bố mẹ ông đã phân chia đất cho các con là ông Tùng, bà Nhật và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nhật được sử dụng đất thửa số 284, tờ bản đồ số 07, diện tích 113,5 m<sup>2</sup> liền kề với thửa đất số 285 của ông Tùng. Khoảng năm 2018, bà Nhật xây 01 ngôi nhà tạm. Phần mái ngôi nhà có chia sang phần đất của ông Tùng nhưng vì là anh em nên ông Tùng không có ý kiến gì. Nếu sau này bà Nhật không sử dụng thửa đất này nữa thì ông Tùng yêu cầu người được quyền sử dụng thửa đất số 284 phải sử dụng đúng diện tích theo giấy chứng nhận. Về việc bà Nhật vay nợ S ông Tùng không liên quan. Tuy nhiên, về góc độ gia đình ông Tùng có trao đổi với bà Nhật cách giải quyết nhưng bà Nhật nói để em xem rồi không nói lại nữa. Ông Tùng đã được Tòa án thông báo kết quả xem xét hiện trạng tài sản, xác định được ngôi nhà do bà Nhật xây dựng có lấn sang thửa đất số 285 của ông Tùng và việc Tòa xác định ông là người có quyền lợi liên quan trong vụ án. Về việc này ông Tùng có ý kiến ông tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Kết quả xem xét thẩm định tài sản bảo đảm:*

Ngày 25/7/2022, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ số 07, diện tích 113,5 m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền trên thửa

đất tại địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh cùng toàn bộ tài sản trên đất, kết quả: Hướng Bắc thửa đất giáp với thửa số 285 nhà ông Tùng, hướng Nam giáp với thửa số 62 nhà ông Bình, hướng Đông giáp với ngõ đi cạnh thôn và lối đi vào nhà ông Tùng, phía Tây giáp với ngõ đi của thôn. Trên đất có 01 ngôi nhà ở tạm xây năm 2018, xây tường chịu lực, vì kèo sắt, mái lợp tôn lạnh chống nóng, tường được quét vôi ve, chưa lăn sơn, nền bằng xi măng có công trình phụ khép kín. Sân lát gạch nung, có 02 cây bưởi, 01 cây mít.

Căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng so với bản đồ địa chính thì ngôi nhà ở tạm do bà Nhật xây dựng khoảng năm 2018 có chồng lấn sang thửa đất số 285 của ông Tùng 11,6 m<sup>2</sup>.

*Ý kiến của đại diện VKSND huyện T tại phiên tòa:*

1. Phần thủ tục: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

- Điều 26, 30; 35; 39; 74; 147; 157; 227; 235; 264 và các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, 317, 318, 319, 335, 336, 339, 463, 466, 615, 623, 688 và các quy định của Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 3, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

*Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Buộc bà Ngô Thị Nhật phải trả S số tiền nợ số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/09/2022 là:

- 531.398.355đ theo hợp đồng tín dụng số **LD 2001400010** ngày 14/01/2020, gồm:

Nợ gốc: 400.000.000 đồng;

Tiền lãi trong hạn: **97.137.533 đồng**

Lãi quá hạn: **34.260.822 đồng**

- 163.927.667đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356.480 – 6473, gồm:

Nợ gốc: 88.075.163 đồng;

Tiền lãi quá hạn: **75.852.504 đồng**

- Các khoản phí, tiền lãi phát sinh từ ngày 22/09/2022 đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng.

Nếu bà Nhật không trả được nợ thì tiến hành xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng thửa đất số 284 tờ bản đồ số 07 thuộc địa phận thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 025928 do Sở tài nguyên môi trường cấp ngày 06/7/2015 mang tên bà Ngô Thị Nhật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1] Về tố tụng:***

Hợp đồng tín dụng LD 2001400010 ký ngày 14/01/2020 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356.480 – 6473 ký ngày 31/07/2019 (sau đây gọi tắt là HĐTD) được ký kết giữa S – Chi nhánh Bắc Ninh (phòng giao dịch T) với bà Ngô Thị Nhật, địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh được xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại các Điều 26, 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 06/09/2022, bà Nhật, ông Tùng vắng mặt không lý do, HĐXX đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, những người này vẫn tiếp tục

vắng mặt không lý do nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

### ***[2] Xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng***

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập nhận thấy: S và bà Ngô Thị Nhật đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/07/2019 và Hợp đồng tín dụng (không áp dụng cho phương thức hạn mức) LD 2001400010 ngày 14/01/2020. Các hợp đồng được ký kết giữa người đại diện có thẩm quyền của S với bà Nhật là những người có đủ năng lực dân sự, nội dung và hình thức của Hợp đồng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận do vậy mức lãi xuất hai bên thỏa thuận là phù hợp được chấp nhận.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD/1800500017, ngày 08/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ký ngày 15/01/2019, và ngày 15/01/2020 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, tỉnh Bắc Ninh và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T. Nội dung HĐTCTS là sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng đã được chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Như vậy, HĐTD và HĐTCTS giữa các bên đã bảo đảm về nội dung và hình thức hợp đồng đúng pháp luật nên có hiệu lực thi hành, các bên tham gia ký hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã ký kết.

### ***[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:***

Căn cứ Hợp đồng tín dụng LD 2001400010 được ký ngày 14/01/2020 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 31/07/2019 thì thấy:

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nhật đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền là 106.980.000 đồng, cụ thể ngày 22/08/2019: 70.000.000đ, ngày 22/09/2019: 9.000.000đ, ngày 22/02/2020: 12.500.000đ, ngày 22/03/2022: 6.840.000đ và ngày 22/05/2022: 9.000.000đ. Đã thanh toán số tiền 38.711.111 đồng, gồm: ngày 22/09/2019: 3.535.000đ, ngày 22/10/2019: 3.856.111đ, ngày 22/12/2019: 3.720.000đ, ngày 22/01/2020: 3.800.000đ, ngày 22/02/2020:



3.700.000đ, ngày 22/03/2020: 8.000.000đ, ngày 22/05/2020: 12.100.000đ. Sau đó không thực hiện việc trả lãi, trả gốc theo thỏa thuận của hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số LD 2001400010, S đã giải ngân số tiền 400.000.000 đồng cho bà Nhật, bà Nhật đã trả được số tiền lãi 15.804.932 đồng, sau đó không thực hiện việc trả lãi, trả gốc theo thỏa thuận của hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, không có lời khai của bà Nhật nhưng căn cứ vào giấy nhận nợ, các biên bản làm việc, thông báo quá hạn nộp lãi có chữ ký xác nhận của bà Nhật có căn cứ xác định bà Nhật đã nhận đủ 400.000.000đ tiền vay theo hợp đồng tín dụng, đã sử dụng thẻ tín dụng thực hiện giao dịch tổng số tiền là 106.980.000 đồng, sau đó mới trả được một phần tiền như trình bày của nguyên đơn. Vì bên vay vi phạm hợp đồng, thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Trong trường hợp bà Nhật không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay nêu trên, S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ theo hợp đồng.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định được ngôi nhà tạm do bà Nhật xây dựng năm 2018 có chồng lấn sang thửa đất của ông Tùng nhưng ông Tùng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên Tòa án không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

#### ***[4] Về án phí:***

**Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại đối với số tiền phải trả theo Hợp đồng tín dụng LD 2001400010 được ký ngày 14/01/2020 là  $531.398.355đ = 20.000.000đ + 131.398.355đ \times 4\% = 25.255.900đ$ ; phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 31/07/2019 là  $163.927.667đ \times 5\% = 8.196.400đ$ ;**

**Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí và tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.**

Bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản 5.000.000đ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí nên bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền này.



*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:*

- Điều 26, 30; 35; 39; 74; 147; 157; 227; 235; 264 và các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, 317, 318, 319, 335, 336, 339, 463, 466, 615, 623, 688 và các quy định của Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 3, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Ngô Thị Nhật phải trả S số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/09/2022 là: 531.398.355 đồng theo Hợp đồng tín dụng số **LD 2001400010** ngày 14/01/2020, và 163.927.667 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (số thẻ 356.480 – 6473) ngày 31/07/2019, và tiền lãi, tiền phí phát sinh tính từ ngày 22/09/2022 đến khi trả hết nợ vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

2. Nếu bà Nhật không trả được nợ thì S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 284 tờ bản đồ số 07 thuộc địa phận thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 025928 do Sở Tài nguyên & Môi trường cấp ngày 06/7/2015 mang tên bà Ngô Thị Nhật để thu hồi nợ.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Bà Ngô Thị Nhật phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **25.255.900đ; phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.196.400đ;**

- Hoàn trả S 10.370.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005426 ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bà Ngô Thị Nhật phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Xác nhận nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí nên bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền 5.000.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, CCTHADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Vương Thị Hà**